

Số: /QĐ-UBND

Hà Tĩnh, ngày tháng năm 2025

QUYẾT ĐỊNH

**Công bố Danh mục thủ tục hành chính được sửa đổi, bổ sung lĩnh vực
Việc làm thuộc thẩm quyền giải quyết của ngành Nội vụ
áp dụng tại tỉnh Hà Tĩnh**

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/02/2025;

Căn cứ Nghị định số 63/2010/NĐ-CP ngày 08/6/2010 của Chính phủ về kiểm soát thủ tục hành chính; Nghị định số 92/2017/NĐ-CP ngày 07/8/2017 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định liên quan đến kiểm soát thủ tục hành chính;

Căn cứ Nghị định số 61/2018/NĐ-CP ngày 23/4/2018 của Chính phủ về thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông trong giải quyết thủ tục hành chính; Nghị định số 107/2021/NĐ-CP ngày 06/12/2021 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 61/2018/NĐ-CP;

Căn cứ Thông tư số 02/2017/TT-VPCP ngày 31/10/2017 của Bộ trưởng, Chủ nhiệm Văn phòng Chính phủ hướng dẫn về nghiệp vụ kiểm soát thủ tục hành chính; Thông tư số 01/2018/TT-VPCP ngày 23/11/2018 của Bộ trưởng, Chủ nhiệm Văn phòng Chính phủ hướng dẫn thi hành một số quy định của Nghị định số 61/2018/NĐ-CP ngày 23/4/2018 của Chính phủ về thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông trong giải quyết thủ tục hành chính;

Theo đề nghị của Sở Nội vụ tại Văn bản số 1183/SNV-VP ngày 09/4/2025.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công bố kèm theo Quyết định này Danh mục 19 (mười chín) thủ tục hành chính cấp tỉnh được sửa đổi, bổ sung lĩnh vực việc làm thuộc thẩm quyền giải quyết của ngành Nội vụ áp dụng tại tỉnh Hà Tĩnh.

Điều 2. Giao Sở Nội vụ chủ trì, phối hợp với các đơn vị: Văn phòng UBND tỉnh căn cứ các TTHC ban hành kèm theo Quyết định này trong thời hạn 03 ngày làm việc công khai, địa phương hóa các TTHC trên cơ sở dữ liệu quốc gia về TTHC (csdl.dichvucong.gov.vn); Sở Khoa học và Công nghệ trong vòng 20 ngày làm việc xây dựng dự thảo Quyết định phê duyệt quy trình nội bộ giải quyết thủ tục hành chính trên Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính tỉnh Hà Tĩnh theo quy định.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ban hành và thay thế Danh mục các thủ tục hành chính được công bố tại Quyết định 2182/QĐ-UBND ngày

12/9/2024 của Chủ tịch UBND tỉnh; thay thế số thứ tự 01, 02 mục I, phần I; số thứ tự 1, 2, 3 (tiêu mục I) mục II, phần I tại Quyết định số 1070/QĐ-UBND ngày 24/5/2022 của Chủ tịch UBND tỉnh; thay thế số thứ tự 1 mục I, phần I; số thứ tự 1, 2, 3, 4, 5 mục II, phần I tại Quyết định số 52/QĐ-UBND ngày 08/01/2024 của Chủ tịch UBND tỉnh; thay thế số thứ tự 06 mục IV, phần I tại Quyết định số 3310/QĐ-UBND ngày 07/10/2019 của Chủ tịch UBND tỉnh.

Điều 4. Chánh Văn phòng UBND tỉnh; Giám đốc các Sở; Thủ trưởng các ban, ngành cấp tỉnh; Giám đốc: Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh, Trung tâm Công báo - Tin học tỉnh; Chủ tịch UBND các huyện, thành phố, thị xã và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 4;
- Bộ Nội vụ;
- Cục Kiểm soát TTHC, VPCP;
- Chủ tịch, các PCT UBND tỉnh;
- Sở KH và CN;
- Trung tâm CB-TH tỉnh;
- Trung tâm PV HCC tỉnh;
- Lưu: VT, NC₁.

**KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**

Nguyễn Hồng Lĩnh

**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH HÀ TĨNH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH CẤP TỈNH ĐƯỢC SỬA ĐỔI, BỔ SUNG LĨNH VỰC VIỆC LÀM
THUỘC THẨM QUYỀN GIẢI QUYẾT CỦA NGÀNH NỘI VỤ ÁP DỤNG TẠI TỈNH HÀ TĨNH**

(Kèm theo Quyết định số: /QĐ-UBND ngày / /2025 của Chủ tịch UBND tỉnh)

STT	Tên thủ tục hành chính	Mã hồ sơ TTHC	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý
1	Giải quyết hưởng trợ cấp thất nghiệp	1.001978	20 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ	- Trung tâm Dịch vụ việc làm (156 Trần Phú, TP Hà Tĩnh, Hà Tĩnh); - Qua dịch vụ bưu chính công ích. - Qua hệ thống mạng điện tử: http://dichvucong.hatinh.gov.vn.	Không	- Luật Việc làm ngày 16/11/2013; - Nghị định số 28/2015/NĐ-CP ngày 12/3/2015 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Việc làm về bảo hiểm thất nghiệp; - Quyết định số 315/QĐ-BNV ngày 04/4/2025 của Bộ trưởng Bộ Nội vụ về việc công bố thủ tục hành chính sửa đổi, bổ sung lĩnh vực việc làm thuộc phạm vi, chức năng quản lý nhà nước của Bộ Nội vụ.

2	Tạm dừng hưởng trợ cấp thất nghiệp	1.001973	Trong thời hạn 02 ngày làm việc kể từ ngày người lao động không đến thông báo về việc tìm kiếm việc làm hàng tháng theo quy định	Như trên	Không	Như trên
3	Tiếp tục hưởng trợ cấp thất nghiệp	1.001966	02 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ	Như trên	Không	Như trên
4	Chấm dứt hưởng trợ cấp thất nghiệp	2.001953	02 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ	Như trên	Không	Như trên
5	Chuyển nơi hưởng trợ cấp thất nghiệp (chuyển đi)	2.000178	Trong thời hạn 03 ngày kể từ ngày nhận được đề nghị chuyển nơi hưởng trợ cấp thất nghiệp của người lao động	Như trên	Không	Như trên
6	Chuyển nơi hưởng trợ cấp thất nghiệp (chuyển đến)	1.000401	Trong thời hạn 03 ngày kể từ ngày nhận được đề nghị chuyển nơi hưởng trợ cấp thất nghiệp của người lao động	Như trên	Không	Như trên
7	Giải quyết hồ trợ học nghề	2.000839	20 ngày làm việc, kể từ ngày nhận	- Trung tâm Điều dưỡng	Không	Như trên

			đủ hồ sơ hợp lệ	NCC&BTXH tỉnh; - Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính tỉnh Hà Tĩnh: http://dichvucong.hatinh.gov.vn .		
8	Giải quyết hỗ trợ kinh phí đào tạo, bồi dưỡng nâng cao trình độ kỹ năng nghề để duy trì việc làm cho người lao động	1.001881	30 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ	- Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Hà Tĩnh (số 02A, đường Nguyễn Chí Thanh, thành phố Hà Tĩnh, tỉnh Hà Tĩnh) - Qua dịch vụ bưu chính công ích. - Qua hệ thống mạng điện tử: http://dichvucong.hatinh.gov.vn	Không	Như trên
9	Cấp giấy phép hoạt động dịch vụ việc làm của doanh nghiệp hoạt động dịch vụ việc làm	1.001865	07 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ	Như trên	Không	- Nghị định 23/2021/NĐ-CP ngày 19/3/2021 của Chính phủ quy định chi tiết khoản 3 Điều 37 và

						Điều 39 của Luật Việc làm về trung tâm dịch vụ việc làm, doanh nghiệp hoạt động dịch vụ việc làm; - Quyết định số 315/QĐ-BNV ngày 04/4/2025 của Bộ trưởng Bộ Nội vụ về việc công bố thủ tục hành chính sửa đổi, bổ sung lĩnh vực việc làm thuộc phạm vi, chức năng quản lý nhà nước của Bộ Nội vụ.
10	Cấp lại giấy phép hoạt động dịch vụ việc làm của doanh nghiệp hoạt động dịch vụ việc làm	1.001853	Trường hợp doanh nghiệp thay đổi một trong các nội dung của giấy phép đã được cấp giấy phép bị mất; giấy phép bị hư hỏng không còn đầy đủ thông tin trên giấy phép: 05 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ. - Đối với trường hợp doanh nghiệp	Như trên	Không	Như trên

			thay đổi địa chỉ trụ sở chính sang địa bàn cấp tỉnh khác so với nơi đã được cấp giấy phép: 08 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ.			
11	Gia hạn giấy phép hoạt động dịch vụ việc làm của doanh nghiệp hoạt động dịch vụ việc làm	1.001823	05 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ	Như trên	Không	Như trên
12	Thu hồi Giấy phép hoạt động dịch vụ việc làm của doanh nghiệp hoạt động dịch vụ việc làm	1.009873	03 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ	Như trên	Không	Như trên
13	Rút tiền ký quỹ của doanh nghiệp hoạt động dịch vụ việc làm	1.009874	07 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ	Như trên	Không	Như trên
14	Báo cáo giải trình nhu cầu, thay đổi nhu cầu sử dụng người lao động nước ngoài	1.000105	10 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ	Như trên	Không	- Bộ luật Lao động năm 2019; - Nghị định số 152/2020/NĐ-CP ngày 30/12/2020 của Chính phủ quy định về người lao động nước ngoài làm việc tại Việt Nam và tuyển

						dụng, quản lý người lao động Việt Nam làm việc cho tổ chức, cá nhân nước ngoài tại Việt Nam; - Nghị định số 70/2023/NĐ-CP ngày 18/9/2023 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 152/2020/NĐ-CP; - Quyết định số 315/QĐ-BNV ngày 04/4/2025 của Bộ trưởng Bộ Nội vụ về việc công bố thủ tục hành chính sửa đổi, bổ sung lĩnh vực việc làm thuộc phạm vi, chức năng quản lý nhà nước của Bộ Nội vụ.
15	Đề nghị tuyển người lao động Việt Nam vào các vị trí công việc dự kiến tuyển người lao động nước ngoài của nhà thầu	2.000219	- Trường hợp đề nghị tuyển từ 500 người lao động Việt Nam trở lên: Tối đa 02 tháng kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ. - Trường hợp đề nghị tuyển từ 100 đến dưới 500 người lao động	Như trên	Không	Như trên

			Việt Nam: Tối đa 01 tháng kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ. - Trường hợp đề nghị tuyển từ dưới 100 người lao động Việt Nam: Tối đa 15 ngày kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ.			
16	Xác nhận người lao động nước ngoài không thuộc diện cấp giấy phép lao động	1.000459	05 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ	Như trên	Không	Như trên
17	Cấp giấy phép lao động cho người lao động nước ngoài làm việc tại Việt Nam	2.000205	05 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ	Như trên	Lệ phí: - Nếu nộp hồ sơ trực tiếp hoặc qua dịch vụ bưu chính: 480.000 đồng. - Nếu nộp hồ sơ trực tuyến: 240.000 đồng	Như trên
18	Cấp lại giấy phép lao động cho người lao động nước ngoài làm việc tại Việt Nam	2.000192	03 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ	Như trên	Lệ phí: - Nếu nộp hồ sơ trực tiếp hoặc qua dịch vụ bưu chính: 360.000	Như trên

					đồng. - Nếu nộp hồ sơ trực tuyến: 180.000 đồng	
19	Gia hạn giấy phép lao động cho người lao động nước ngoài làm việc tại Việt Nam	1.009811	05 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ theo quy định	Như trên	Lệ phí: - Nếu nộp hồ sơ trực tiếp hoặc qua dịch vụ bưu chính: 360.000 đồng. - Nếu nộp hồ sơ trực tuyến: 180.000 đồng	Như trên